

Phụ lục 1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	Vai trò của máy tính trong đời sống	1	1								1	1		5%
2	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Đánh giá chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề		1		C14a,b	C14c,d					2	3		12,5%
3	Chủ đề E. Tin học ứng dụng	Phần mềm mô phỏng và khám phá tri thức	1	1		C16a,b	C16c,d					3	3		15%
		Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác	3	1		C13a,b	C13c,d				C1	5	3	1	40%
4	Chủ đề G. Hướng nghiệp với tin học	Tin học và định hướng nghề nghiệp	3			C15a,b	C15c,d				C2	5	2	1	27,5%
Tổng số câu			8	4		8	8				2	16	12	2	
Tổng số điểm						3,0			4,0			3,0			10
Tỉ lệ %						30%			40%			30%			100%

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá									
				TNKQ						Tự luận			
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai						
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			để lựa chọn, thu thập, xử lí, trình bày và chia sẻ thông tin phù hợp, hiệu quả, an toàn trong các tình huống học tập và đời sống.										
	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	Phần mềm mô phỏng và khám phá tri thức	Biết – Nêu được những kiến thức đã thu nhận từ việc khai thác một vài phần mềm mô phỏng – Nhận biết được sự mô phỏng thế giới thực nhờ máy tính có thể giúp con người khám phá tri thức và giải quyết vấn đề. Hiểu: Nêu được ví dụ phần mềm mô phỏng	Nld C9	Nld C10		Nld PII C16a,b	Nld PII C16c,d					
		Trình bày thông tin trong trao đổi và hợp tác	Biết: Biết được khả năng đính kèm văn bản, ảnh, video, trang tính vào sơ đồ tư duy. Vận dụng: Sử dụng được bài trình chiếu và sơ đồ tư duy trong trao đổi thông tin và hợp tác.	Nlc C1,2,7	Nlc C8		Nld PII C13a,b	Nld PII C13c,d				Nld PIII C1	
	Chủ đề G. Hướng nghiệp với tin học	Tin học và định hướng nghề nghiệp	Biết – Trình bày được công việc đặc thù và sản phẩm chính của người làm tin học trong ít nhất ba nhóm nghề. – Nhận biết được đặc trưng cơ bản của nhóm nghề thuộc hướng Tin học ứng dụng và nhóm nghề thuộc hướng Khoa học máy tính. Hiểu: – Nêu và giải thích được ý kiến cá	Nld C4,5,6			Nld PII C15a,b	Nld PII C15c,d				Nld PIII C2	

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá									
				TNKQ						Tự luận			
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai						
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			nhân (thích hay không thích,...) về một nhóm nghề nào đó. – Giải thích được cả nam và nữ đều có thể thích hợp với các ngành nghề trong lĩnh vực tin học, nêu được ví dụ minh họa. Vận dụng: – Tìm hiểu được (thông qua Internet và những kênh thông tin khác) công việc ở một số doanh nghiệp, công tác sử dụng nhân lực thuộc các nhóm ngành đã được giới thiệu.										
Tổng số câu				8	4		8	8					2
Tổng số điểm				3,0			4,0			3,0			
Tỉ lệ %				30			40			30			

BAN XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN



Trần Thị Tú Anh

TỔ TRƯỞNG



Đoàn Thị Huế

BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quy

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Để đính kèm tệp vào một nhánh đã chọn của sơ đồ tư duy thực hiện thao tác:

- A. Chọn Insert/Clip Art. B. Chọn Insert/Picture.
C. Chọn Insert/Bookmark. D. Chọn Insert/Attachment.

Câu 2: Khả năng đính kèm tệp vào sơ đồ tư duy đem lại lợi ích nào trong các lợi ích sau?

A. Trình bày thông tin phong phú và đa dạng, giúp nhìn thấy được đầy đủ văn bản, hình ảnh, video hiện ra trên sơ đồ tư duy.

B. Trình bày thông tin đa dạng một cách ngắn gọn, giúp dễ dàng quan sát được sơ đồ tư duy.

C. Chèn được vào sơ đồ tư duy nội dung tệp có kích thước lớn, ví dụ: một tài liệu nhiều trang, một hình ảnh cỡ lớn.

D. Chèn được vào sơ đồ tư duy những nội dung tệp có các định dạng khác nhau như: văn bản, hình ảnh, âm thanh và video.

Câu 3: Trong đô thị, thiết bị nào được gắn bộ xử lý thông tin, dùng để điều khiển giao thông, giúp cho các phương tiện trên đường di chuyển một cách có trật tự?

A. Xe ô tô tự lái. B. Đèn giao thông.

C. Camera hành trình. D. Biển báo giao thông.

Câu 4: Trong nhóm nghề Phát triển phần mềm, nghề yêu cầu về khả năng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp là:

A. Chuyên viên phân tích nghiệp vụ (BA-Business Analyst).

B. Kiến trúc sư phần mềm (Software Architect).

C. Kỹ sư cầu nối (Bridge Software Engineer).

D. Người quản lý dự án phần mềm (Project Manager).

Câu 5: Nghề chuyên viên quản trị mạng không chỉ phù hợp với nam giới mà cũng phù hợp với nữ giới bởi vì lí do:

A. Nghề này đòi hỏi sự cẩn thận tỉ mỉ, ưu điểm thường thấy ở nữ giới.

B. Nghề này được yêu cầu đào tạo cơ bản về hoạt động của hệ thống mạng.

C. Chuyên viên quản trị mạng phải có tính kỉ luật.

D. Chuyên viên quản trị mạng phải có khả năng xử lí tình huống nhanh nhạy.

Câu 6: Em hãy chọn phát biểu đúng:

A. Nam giới làm những nghề như lập trình ứng dụng hay phân tích thiết kế hệ thống tốt hơn nữ giới do họ có tư duy logic tốt hơn.

B. Nữ giới làm những nghề như quản trị hệ thống hay quản trị cơ sở dữ liệu tốt hơn nam giới do họ cẩn thận hơn.

C. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực tin học phù hợp với giới tính sẽ đem lại hiệu quả lao động cao hơn.

D. Cả nam và nữ đều có thể chọn nghề trong lĩnh vực tin học phù hợp với năng lực và nhu cầu của mình.

Câu 7: Khi tạo sơ đồ tư duy về CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945), em nên đính kèm loại dữ liệu nào ở nhánh *Nguyên nhân dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai*?

- A. Văn bản. B. Video. C. Hình ảnh. D. Trang tính.

Câu 8: Khi em cần trình bày kết quả nghiên cứu trữ lượng tài nguyên khoáng sản Việt Nam trong năm gần đây, em sẽ sử dụng gì để dễ dàng giải thích các số liệu?

A. Tạo một bài thuyết trình chứa đựng đầy đủ thông tin thu thập được mà không có biểu đồ hay sơ đồ tư duy.

B. Chỉ đưa số liệu mà không giải thích gì thêm.

C. Đọc tất cả các số liệu mà không sử dụng bất kỳ công cụ hỗ trợ nào.

D. Sử dụng các trang tính Excel đính kèm vào bài trình chiếu và sơ đồ tư duy để giải thích số liệu.

Câu 9: Trong giờ học Vật lý, thầy giáo sử dụng một phần mềm cho phép học sinh thay đổi cường độ dòng điện để quan sát ngay sự thay đổi của hiệu điện thế. Đây là ví dụ của loại phần mềm nào?

A. Phần mềm soạn thảo văn bản.

B. Phần mềm mô phỏng hiện tượng *Crocodile Physics* hoặc *PhET*.

C. Phần mềm diệt virus.

D. Phần mềm trình chiếu.

Câu 10: Trong môn Sinh học, giáo viên sử dụng phần mềm mô phỏng để minh họa quá trình di truyền các tính trạng của bố mẹ sang con, học sinh có thể thay đổi các cặp gen để xem kết quả. Điều này giúp học sinh:

A. Tự khám phá kiến thức thông qua việc thay đổi tham số và quan sát kết quả.

B. Ghi nhớ máy móc các quy luật di truyền.

C. Không cần thực hành trong phòng thí nghiệm.

D. Chỉ xem hình ảnh minh họa cho vui.

Câu 11: Việc sử dụng hệ thống học trực tuyến (LMS) giúp giáo viên giao bài, chấm bài và theo dõi tiến độ học tập của học sinh. Điều này cho thấy *không phải* là tác động nào của công nghệ thông tin lên giáo dục?

A. Công nghệ thông tin làm giảm nhu cầu học tập của học sinh.

B. Công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy và học trở nên thuận tiện, hiệu quả hơn.

C. Công nghệ thông tin chỉ được sử dụng để giải trí.

D. Công nghệ thông tin thay thế hoàn toàn giáo viên trong giảng dạy.

Câu 12: Lan tìm thấy một bài viết trên mạng nói về “mèo chữa bệnh ngay tại nhà” nhưng không ghi rõ nguồn và có nhiều bình luận cho rằng thông tin sai lệch. Lan quyết định kiểm tra lại thông tin bằng cách xem thêm ở các trang uy tín như cổng thông tin y tế. Việc làm của Lan cho thấy điều gì?

A. Lan tò mò nên muốn đọc nhiều trang cho vui.

B. Lan không tin bất kỳ thông tin nào trên Internet.

C. Tất cả các thông tin trên mạng đều sai nên phải bỏ qua.

D. Cần kiểm tra và đánh giá chất lượng thông tin trước khi tiếp nhận để tránh hiểu sai hoặc làm theo thông tin không chính xác.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13: Theo một nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng các bài thuyết trình sử dụng sơ đồ tư duy đã giúp người nghe ghi nhớ thông tin lâu hơn 25% so với các bài thuyết trình truyền thống. Ngoài ra, 80% số người tham gia khảo sát cho biết họ cảm thấy các bài trình bày sử dụng sơ đồ tư duy dễ hiểu và hấp dẫn hơn. Từ đoạn tin trên, chúng ta có thể đưa ra các nhận định như sau:

a) Sơ đồ tư duy không chỉ đơn thuần là một công cụ trình bày thông tin, mà còn là một phương pháp tư duy hiệu quả.

b) Các bài trình bày sử dụng sơ đồ tư duy dễ hiểu và hấp dẫn hơn.

c) Việc sử dụng sơ đồ tư duy đảm bảo rằng mọi người sẽ hiểu được thông tin.

d) Sơ đồ tư duy trở thành một công cụ thay thế hoàn toàn cho các hình thức trình bày truyền thống như văn bản, bảng biểu, đồ thị.

Câu 14: Hùng được phân công tìm hiểu về luật Công nghệ thông tin. Sau đó, Hùng đã sử dụng một tài khoản ẩn danh để phát tán tin đồn về dịch bệnh, gây hoang mang dư luận.

a) Hành vi phát tán tin đồn sai sự thật của Hùng là vi phạm pháp luật nghiêm trọng về quản lý và sử dụng thông tin trên mạng Internet.

b) Hùng không cần chịu trách nhiệm vì đã sử dụng tài khoản ẩn danh.

c) Việc sử dụng Internet để truyền bá thông tin sai lệch về dịch bệnh có thể bị xử phạt hành chính hoặc hình sự, tùy theo mức độ vi phạm.

d) Nếu Hùng chia sẻ một đoạn nhạc bản quyền lên mạng xã hội, hành vi đó cũng bị xem là vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ.

Câu 15: Ngành Công nghệ thông tin (CNTT) đang là một trong những lĩnh vực phát triển nhanh nhất và sôi động nhất hiện nay. Với sự bùng nổ của công nghệ số, nhu cầu về các chuyên gia CNTT ngày càng tăng cao. Dưới đây là một số nhận định về thế giới nghề nghiệp của ngành CNTT:

- a) Làm việc trong một công ty khởi nghiệp sẽ có cơ hội học hỏi và phát triển nhanh hơn.
- b) Làm việc trong một tập đoàn lớn sẽ có mức lương ổn định và nhiều phúc lợi.
- c) Ngành Tin học chỉ có một vài công việc như lập trình viên và kỹ sư phần mềm.
- d) Lập trình viên là công việc có mức lương cao nhất trong ngành Tin học.

Câu 16: Đánh giá tính đúng sai cho từng nhận định sau:

- a) Phần mềm mô phỏng thể hiện trực quan sự vận động của một đối tượng, cho phép người sử dụng tương tác và tìm hiểu cách thức hoạt động của đối tượng đó.
- b) Phần mềm ChemLab hỗ trợ dựng các hình hình học, mô phỏng các hoạt động trong hình học và giúp giải toán.
- c) Phần mềm PhET Interactive Simulations cho phép học sinh quan sát mô phỏng các hiện tượng vật lý như dao động, mạch điện.
- d) Phần mềm mô phỏng PhET chỉ mô phỏng trò chơi giải trí, không hỗ trợ học tập các môn như Vật lý, Hóa học hay Sinh học.

PHẦN III. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Bạn Lan muốn chèn thêm hình ảnh và chèn thêm tệp đính kèm vào sơ đồ tư duy để chuẩn bị cho buổi thuyết trình nhưng bạn không biết làm thế nào. Em hãy hướng dẫn bạn thao tác làm?

Câu 2 (1,0 điểm). Hãy kể tên hai công việc liên quan đến nghề nghiệp tin học trong lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, nông nghiệp, xây dựng, giao thông,...

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm).

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chọn	D	B	B	C	A	D	A	A	B	A	A	D

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4,0 điểm).

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm.

Mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 13.	Câu 14.	Câu 15.	Câu 16.
a) Đ	a) Đ	a)Đ	a) Đ
b) Đ	b) S	b)Đ	b) S
c) Đ	c) Đ	c) S	c) Đ
d) S	d) S	d) S	d) S

PHẦN III. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Cách chèn hình ảnh

1. Chọn vị trí: Nhấp vào nhánh/ô trong sơ đồ tư duy mà bạn muốn thêm hình ảnh.
2. Vào mục Chèn: Chọn thẻ Insert (Chèn) trên thanh công cụ.
3. Chọn Hình ảnh: Tìm và chọn Picture (Hình ảnh) hoặc Icons (Biểu tượng).
4. Chọn File: Duyệt tìm hình ảnh (JPG, PNG...) trên máy tính và nhấn Open (Mở).
5. Điều chỉnh: Căn chỉnh kích thước và vị trí của ảnh trong khung sơ đồ.

Cách chèn tệp đính kèm (Attachment)

1. Chọn nhánh: Nhấp vào nhánh cần đính kèm tệp.
2. Vào mục Chèn: Chọn Insert (Chèn).
3. Chọn Tệp đính kèm: Tìm và chọn Attachment (Tệp đính kèm).
4. Chọn File: Hộp thoại mở tệp xuất hiện, chọn tệp (Word, Excel, PDF...) và nhấn Open.
5. Xác nhận: Một biểu tượng tệp đính kèm (thường là biểu tượng kẹp giấy) sẽ xuất hiện trên nhánh sơ đồ, bạn có thể nhấp vào đó để mở tệp gốc.

Câu 2 (1,0 điểm):

Trong lĩnh vực giáo dục: giáo viên dạy tin học, quản trị hệ thống thông tin của nhà trường (website, phần mềm tuyển sinh, phần mềm học trực tuyến, kho học liệu số,...).

Trong lĩnh vực y tế: quản trị hệ thống thông tin (cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh, bệnh nhân, thuốc, hóa chất, máy móc,...), an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu,...

Trong lĩnh vực nông nghiệp: tự động hóa tưới nước, phân bón, thu hoạch, giới thiệu và bán sản phẩm trực tuyến,... Trong lĩnh vực giao thông: thiết kế, tính toán trong xây dựng cầu, làm đường,...

Hết

BAN THẨM ĐỊNH ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN



Trần Thị Tú Anh

TỔ TRƯỞNG



Đoàn Thị Huế

BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quy